



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Báo cáo của Hội đồng Quản trị
và
các báo cáo tài chính tổng hợp

ngày 31 tháng 12 năm 2010

Ernst & Young

 **ERNST & YOUNG**

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

NỘI DUNG

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Bảng cân đối kế toán tổng hợp	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp	10 - 49

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

CÔNG TY

Công ty là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000083 ngày 1 tháng 6 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh (số 5900377720) như sau:

Điều chỉnh lần thứ nhất	Ngày 5 tháng 8 năm 2006
Điều chỉnh lần thứ hai	Ngày 20 tháng 12 năm 2006
Điều chỉnh lần thứ ba	Ngày 10 tháng 1 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ tư	Ngày 7 tháng 3 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ năm	Ngày 1 tháng 6 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ sáu	Ngày 19 tháng 6 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ bảy	Ngày 20 tháng 12 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ tám	Ngày 29 tháng 8 năm 2008
Điều chỉnh lần thứ chín	Ngày 24 tháng 11 năm 2008
Điều chỉnh lần thứ mười	Ngày 13 tháng 5 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười một	Ngày 11 tháng 6 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười hai	Ngày 15 tháng 9 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười ba	Ngày 18 tháng 11 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười bốn	Ngày 23 tháng 12 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười lăm	Ngày 17 tháng 5 năm 2010
Điều chỉnh lần thứ mười sáu	Ngày 17 tháng 9 năm 2010
Điều chỉnh lần thứ mười bảy	Ngày 28 tháng 12 năm 2010
Điều chỉnh lần thứ mười tám	Ngày 28 tháng 1 năm 2011

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty có 11 công ty con sở hữu trực tiếp và 3 công ty liên kết (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 21 công ty con và 4 công ty liên kết) được trình bày trong Thuyết minh số 15 của các báo cáo tài chính tổng hợp. Ngoài ra, một số công ty con sở hữu trực tiếp bởi Công ty cũng có tổng cộng 38 công ty con cấp bên dưới. Hoạt động chính của Công ty và các công ty con là sản xuất và kinh doanh sản phẩm bằng gỗ và đá granite; trồng cao su và các cây trồng khác; xây dựng; khai khoáng; xây dựng và kinh doanh thủy điện; phát triển căn hộ để bán và cho thuê; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tại số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	Ngày 19 tháng 3 năm 2010
Ông Nguyễn Văn Sự	Thành viên	Ngày 19 tháng 3 năm 2010
Ông Đoàn Nguyên Thu	Thành viên	Ngày 19 tháng 3 năm 2010
Ông Lê Hùng	Thành viên	Ngày 19 tháng 3 năm 2010
Ông Nguyễn Văn Minh	Thành viên	Ngày 19 tháng 3 năm 2010
Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên	Ngày 19 tháng 3 năm 2010
Ông Vũ Hữu Điền	Thành viên	Ngày 19 tháng 3 năm 2010

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên trong Ban Kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Tồn	Trưởng Ban	Ngày 19 tháng 3 năm 2010
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Thành viên	Ngày 19 tháng 3 năm 2010
Ông Lâm Hoàng Hải	Thành viên	Ngày 19 tháng 3 năm 2010

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

- a) Vào ngày 26 tháng 1 năm 2011 Công ty đã phát hành cổ phiếu thưởng cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2:1 (cổ đông sở hữu 2 cổ phiếu cũ được nhận 1 cổ phiếu thưởng). Nguồn vốn để phát hành cổ phiếu thưởng là 60% từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2009 và 40% từ thặng dư vốn cổ phần của Công ty. Việc phát hành này được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 1808/10/NQCD-HAGL ngày 18 tháng 8 năm 2010 (lấy ý kiến bằng văn bản từ các cổ đông). Trên cơ sở đó, Công ty đã hạch toán tăng vốn cổ phần 1.557.598.930 ngàn VNĐ, giảm thặng dư vốn cổ phần 623.039.572 ngàn VNĐ và giảm lợi nhuận chưa phân phối 934.559.358 ngàn VNĐ. Ngày 28 tháng 1 năm 2011, Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 18 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai chấp thuận việc tăng vốn điều lệ lên 4.672.805.900 ngàn VNĐ.
- b) Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định thay đổi chính sách kế toán về ghi nhận doanh thu hoạt động bán căn hộ trước khi xây dựng hoàn tất kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 để phù hợp với những nguyên tắc của các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế. Theo chính sách kế toán mới, doanh thu hoạt động bán căn hộ được hạch toán khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:
- ▶ doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
 - ▶ doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
 - ▶ doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - ▶ doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
 - ▶ xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Việc thay đổi này được xem là thay đổi chính sách kế toán theo Công văn trả lời của Bộ Tài chính ngày 18 tháng 2 năm 2011 và sẽ được áp dụng hồi tố theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 29 "Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót".

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP CỦA CÔNG TY

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính tổng hợp cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp của Công ty trong năm. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Giám đốc yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty; và
- lập các báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính tổng hợp của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính tổng hợp.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP CỦA CÔNG TY

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty kèm theo. Các báo cáo tài chính tổng hợp này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:

Ông Đoàn Nguyên Đức
Chủ tịch

Ông Nguyễn Văn Sự
Thành viên

Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
ngày 31 tháng 12 năm 2010

Ngàn VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		7.693.586.478	4.244.253.044
110	I. Tiền		2.634.154.476	1.297.566.342
111	1. Tiền	4	2.634.154.476	1.297.566.342
120	II. Các khoản đầu tư ngắn hạn		81.783.240	157.571.210
121	1. Đầu tư ngắn hạn	5	81.783.240	157.571.210
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		4.650.209.893	2.430.240.865
131	1. Phải thu khách hàng	6	352.658.053	295.199.208
132	2. Trả trước cho người bán	7	46.644.861	64.097.831
135	3. Các khoản phải thu khác	8	4.250.906.979	2.071.670.404
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		-	(726.578)
140	IV. Hàng tồn kho		267.056.283	312.704.326
141	1. Hàng tồn kho	9	267.056.283	313.163.436
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(459.110)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		60.382.586	46.170.301
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		41.628.536	31.785.737
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		10.363.103	6.795.087
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		650.450	-
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	10	7.740.497	7.589.477
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		5.159.054.257	4.237.746.565
220	I. Tài sản cố định		617.453.484	515.228.516
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	358.923.916	371.472.563
222	Nguyên giá		406.217.359	424.820.819
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(47.293.443)	(53.348.256)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	74.463.899	67.259.331
228	Nguyên giá		75.432.978	67.726.523
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(969.079)	(467.192)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	184.065.669	76.496.622
250	II. Các khoản đầu tư dài hạn		4.504.839.003	3.665.447.602
252	1. Đầu tư vào công ty con	15.1	4.099.825.765	2.473.099.747
258	2. Đầu tư vào công ty liên kết	15.2	25.500.000	68.500.000
259	3. Đầu tư dài hạn khác	16	379.513.238	1.123.847.855
260	III. Tài sản dài hạn khác		36.761.770	57.070.447
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	17	27.445.338	35.327.543
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30.2	7.703.332	20.129.804
268	3. Tài sản dài hạn khác		1.613.100	1.613.100
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		12.852.640.735	8.481.999.609

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2010

Ngàn VNĐ

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		3.810.648.566	3.835.402.843
310	I. Nợ ngắn hạn		2.921.219.607	3.121.868.857
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	18	2.259.196.966	2.655.254.155
312	2. Phải trả cho người bán	19	110.657.112	49.573.898
313	3. Người mua trả tiền trước		8.581.406	2.018.738
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	181.309.437	31.139.861
315	5. Phải trả công nhân viên		3.775.534	3.730.353
316	6. Chi phí phải trả	21	83.598.661	80.519.217
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	22	165.870.540	282.312.208
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	32	108.229.951	17.320.427
330	II. Nợ dài hạn		889.428.959	713.533.986
333	1. Phải trả dài hạn khác	23	984.754	1.188.881
334	2. Vay và nợ dài hạn	24	883.069.736	711.837.478
335	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	30.2	5.200.111	-
336	4. Dự phòng trợ cấp thôi việc		174.358	507.627
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		9.041.992.169	4.646.596.766
410	I. Vốn chủ sở hữu	25.1	9.041.992.169	4.646.596.766
411	1. Vốn cổ phần		3.115.206.970	2.704.654.580
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		3.504.012.140	1.223.971.061
415	3. Cổ phiếu quỹ		-	(30.091.699)
416	4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	915.313
417	5. Quỹ đầu tư và phát triển		8.622.737	8.622.737
418	6. Quỹ dự phòng tài chính		210.865.390	82.528.069
420	7. Lợi nhuận chưa phân phối		2.203.284.932	655.996.705
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		12.852.640.735	8.481.999.609



Bà Hồ Thị Kim Chi
Kế toán Trưởng



Ông Nguyễn Văn Sự
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Ngàn VNĐ

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	1.190.816.347	1.034.837.644
02	2. Các khoản giảm trừ	26.1	(335.845)	(2.716.509)
10	3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.1	1.190.480.502	1.032.121.135
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	27	(681.103.788)	(850.830.598)
20	5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ		509.376.714	181.290.537
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26.2	2.346.481.299	1.574.863.516
22	7. Chi phí hoạt động tài chính	28	(265.000.877)	(254.305.539)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(247.121.252)	(249.468.576)
24	8. Chi phí bán hàng		(42.147.509)	(43.739.817)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(70.159.094)	(79.242.398)
30	10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh		2.478.550.533	1.378.866.299
31	11. Thu nhập khác	29	4.233.093	26.185.602
32	12. Chi phí khác	29	(9.309.702)	(47.197.896)
40	13. Lỗ khác	29	(5.076.609)	(21.012.294)
50	14. Lợi nhuận trước thuế		2.473.473.924	1.357.854.005
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	30.1	(354.950.570)	(44.828.573)
52	16. (Chi phí)/lợi ích thuế TNDN hoãn lại	30.2	(17.626.583)	9.725.947
60	17. Lợi nhuận thuần sau thuế		2.100.896.771	1.322.751.379



Bà Hồ Thị Kim Chi
Kế toán Trưởng



Ông Nguyễn Văn Sự
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Ngàn VNĐ

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		2.473.473.924	1.357.854.005
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định và chi phí phân bổ	11,12	20.547.892	79.197.949
03	Các khoản dự phòng		(1.185.688)	72.616
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		(14.699.482)	-
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(2.235.298.349)	(1.567.917.391)
06	Chi phí lãi vay	28	247.121.252	249.468.576
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		489.959.549	118.675.755
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		760.786.209	(49.315.511)
10	Giảm hàng tồn kho		46.107.153	74.848.978
11	Giảm các khoản phải trả		(162.838.141)	(64.496.323)
12	Tăng chi phí trả trước		(16.960.594)	(47.825.000)
13	Tiền lãi vay đã trả		(251.145.953)	(231.338.497)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	30.1	(203.742.580)	(50.747.531)
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(42.353.291)	(26.879.395)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		619.812.352	(277.077.524)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(101.410.636)	(54.255.322)
22	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định		1.767.230	15.822.344
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(1.726.529.359)	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		(1.679.349.989)	(1.013.359.201)
26	Tiền thu hồi bán lại các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		1.794.894.598	134.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		154.483.183	838.422.933
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(1.556.144.973)	(79.369.246)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ nhận góp vốn của chủ sở hữu, phát hành cổ phiếu	25.1	1.299.600.000	-
31	Tiền thu từ nhận góp vốn của chủ sở hữu, phát hành cổ phiếu trong tài khoản ký quỹ	4	(582.568.781)	-
31	Tiền thu từ bán cổ phiếu quỹ	25.1	40.154.093	-
32	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu		-	(30.091.699)
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		3.400.461.652	3.055.278.439
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(2.175.286.583)	(1.546.385.409)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	25.1	(292.008.407)	(269.721.752)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		1.690.351.974	1.209.079.579

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

Ngàn VNĐ

Mã số	KHOẢN MỤC	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Tăng tiền thuần trong năm		754.019.353	852.632.809
60	Tiền đầu năm		1.297.566.342	444.933.533
70	Tiền cuối năm	4	2.051.585.695	1.297.566.342



Bà Hồ Thị Kim Chi
Kế toán Trưởng



Ông Nguyễn Văn Sự
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2011

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai (“Công ty”) được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3903000083 ngày 1 tháng 6 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp và các giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh (số 5900377720) như sau:

Điều chỉnh lần thứ nhất	Ngày 5 tháng 8 năm 2006
Điều chỉnh lần thứ hai	Ngày 20 tháng 12 năm 2006
Điều chỉnh lần thứ ba	Ngày 10 tháng 1 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ tư	Ngày 7 tháng 3 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ năm	Ngày 1 tháng 6 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ sáu	Ngày 19 tháng 6 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ bảy	Ngày 20 tháng 12 năm 2007
Điều chỉnh lần thứ tám	Ngày 29 tháng 8 năm 2008
Điều chỉnh lần thứ chín	Ngày 24 tháng 11 năm 2008
Điều chỉnh lần thứ mười	Ngày 13 tháng 5 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười một	Ngày 11 tháng 6 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười hai	Ngày 15 tháng 9 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười ba	Ngày 18 tháng 11 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười bốn	Ngày 23 tháng 12 năm 2009
Điều chỉnh lần thứ mười lăm	Ngày 17 tháng 5 năm 2010
Điều chỉnh lần thứ mười sáu	Ngày 17 tháng 9 năm 2010
Điều chỉnh lần thứ mười bảy	Ngày 28 tháng 12 năm 2010
Điều chỉnh lần thứ mười tám	Ngày 28 tháng 1 năm 2011

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty có 11 công ty con sở hữu trực tiếp và 3 công ty liên kết (ngày 31 tháng 12 năm 2009: 21 công ty con và 4 công ty liên kết) được trình bày trong Thuyết minh số 15 của các báo cáo tài chính tổng hợp. Ngoài ra, một số công ty con sở hữu trực tiếp bởi Công ty cũng có tổng cộng 38 công ty con cấp bên dưới. Hoạt động chính của Công ty và các công ty con là sản xuất và kinh doanh sản phẩm bằng gỗ và đá granite; trồng cao su và các cây trồng khác; xây dựng; khai khoáng; xây dựng và kinh doanh thủy điện; phát triển căn hộ để bán và cho thuê; kinh doanh khách sạn và khu nghỉ dưỡng; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tại số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên trong Ban Giám đốc trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ và tên</i>	<i>Chức vụ</i>
Ông Nguyễn Văn Sự	Tổng Giám đốc
Ông Đoàn Nguyên Thu	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Rõ	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trà Văn Hàn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Trường Sơn	Phó Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ LẬP CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Cơ sở lập các báo cáo tài chính

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai là công ty mẹ của các công ty con và công ty liên kết như được trình bày trong Thuyết minh số 15 (được gọi chung là "Tập đoàn"). Công ty lập và trình bày các báo cáo tài chính tổng hợp phù hợp với các quy định pháp lý về lập báo cáo, cụ thể là Thông tư số 09/2010/TT-BTC - hướng dẫn việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Công ty cũng phải tuân thủ theo Thông tư nêu trên và đã công bố các báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Những người sử dụng các báo cáo tài chính tổng hợp này nên đọc các báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của toàn Tập đoàn một cách tổng thể.

Các báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VNĐ") và được lập theo Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam được Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán tổng hợp, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp, các thuyết minh có liên quan và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về thủ tục và nguyên tắc kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không chủ định trình bày tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Thông tư đã ban hành nhưng chưa có hiệu lực

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Thông tư này quy định về việc thuyết minh thêm thông tin và ảnh hưởng đến việc trình bày các công cụ tài chính trên các báo cáo tài chính. Hướng dẫn này sẽ có hiệu lực cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011 trở đi. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá ảnh hưởng của việc áp dụng thông tư này đến các báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty trong tương lai.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký Chung.

2.3 Đơn vị tiền tệ kế toán

Công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng đồng Việt Nam.

2.4 Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi chính sách kế toán

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập các báo cáo tài chính tổng hợp được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được áp dụng để lập các báo cáo tài chính tổng hợp trong các năm trước ngoại trừ:

Công ty đã áp dụng Thông tư số 244/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 244") hướng dẫn điều chỉnh và bổ sung chế độ kế toán hiện hành. Một trong những thay đổi chủ yếu được áp dụng tại Công ty là việc phân loại lại Quỹ khen thưởng, phúc lợi trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp. Thông tư 244 yêu cầu Quỹ khen thưởng, phúc lợi phải được phân loại như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán, khác với sự phân loại trước đây là một khoản thuộc nguồn vốn chủ sở hữu. Thông tư 244 được áp dụng hồi tố và thay đổi này đã làm tăng tổng nợ phải trả của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 là 108.229.951 ngàn VNĐ (31 tháng 12 năm 2009: tăng 17.320.427 ngàn VNĐ) và làm giảm tổng nguồn vốn chủ sở hữu với số tiền tương ứng (*Thuyết minh số 32*).

3.2 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác cùng với dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.4 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ chi phí bán hàng ước tính và sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và hàng hóa	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp công với chi phí sản xuất chung được phân bổ dựa trên công suất hoạt động bình thường.

Căn hộ đang xây dựng để bán được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá thành bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng căn hộ, bao gồm cả chi phí đi vay. Giá trị thuần có thể thực hiện được bao gồm giá bán hiện hành trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành căn hộ và các chi phí bán hàng và tiếp thị ước tính.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời .v.v...) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi hay lỗ phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích.

3.8 Khấu hao và khấu trừ

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và khấu trừ tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Máy móc và thiết bị	5 - 12 năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 50 năm
Phương tiện vận chuyển	8 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Cây lâu năm	20 năm
Quyền sử dụng đất	45 năm
Phần mềm vi tính	5 năm
Tài sản khác	8 - 15 năm

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các công trình nhà xưởng, văn phòng, rừng cao su và trạm của Công ty mà các công trình này chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Rừng cao su

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển rừng cây cao su như chi phí khảo sát, đền bù đất, khai hoang, vườn ươm, phân bón, vận chuyển cây giống, nguyên vật liệu khác, chi phí nhân công, đường đi và hàng rào, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ, thuốc diệt cỏ và các chi phí liên quan khác.

3.10 Tài sản thuê

Việc xác định xem một thỏa thuận là hoặc hàm chứa một hợp đồng thuê được căn cứ vào nội dung của thỏa thuận và yêu cầu phải đánh giá xem việc thực hiện thỏa thuận có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản cụ thể nào đó hoặc chuyển giao quyền sử dụng tài sản đó.

Các hợp đồng thuê được phân loại là các hợp đồng thuê tài chính khi các điều khoản của hợp đồng thuê về căn bản chuyển giao mọi rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu của tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, phân bổ theo phương pháp đường thẳng cho khoản thời gian thuê.

3.11 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được hạch toán vào chi phí hoạt động trong năm phát sinh, trừ khi các khoản chi phí đi vay này được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

3.12 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp và chủ yếu là giá vốn công cụ, dụng cụ và tiền thuê đất trả trước. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.13 Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3.15 Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thị trường tại ngày đó. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ.

3.16 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.17 Trích trước trợ cấp thôi việc

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi năm tài chính cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi năm tài chính theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp.

3.18 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Công ty áp dụng hướng dẫn theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" ("CMKTVN 10") liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ và đã áp dụng nhất quán trong (các) năm trước.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Hướng dẫn về chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm theo CMKTVN 10 khác biệt so với quy định trong Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái ("Thông tư 201") như sau:

Nghiệp vụ	Theo CMKTVN 10	Theo Thông tư 201
Đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được phản ánh ở tài khoản " <i>Chênh lệch tỷ giá</i> " trong khoản mục vốn trên bảng cân đối kế toán và sẽ được ghi giảm trong năm tiếp theo.
Đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục công nợ tiền tệ dài hạn có gốc ngoại tệ.	Tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.	Tất cả lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp. Tất cả lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp. Tuy nhiên, trường hợp ghi nhận lỗ chênh lệch tỷ giá dẫn đến kết quả hoạt động kinh doanh trước thuế của Công ty bị lỗ, một phần lỗ chênh lệch tỷ giá có thể được phân bổ vào các năm sau để đảm bảo Công ty không bị lỗ. Trong mọi trường hợp, tổng số lỗ chênh lệch tỷ giá ghi nhận vào chi phí trong năm ít nhất phải bằng lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại số dư công nợ dài hạn đến hạn phải trả. Phần lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại có thể được phản ánh trên bảng cân đối kế toán và phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh trong vòng 5 năm tiếp theo.

Ảnh hưởng đến các báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty nếu Công ty áp dụng Thông tư 201 cho các năm tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 là không trọng yếu.

3.19 Phân phối lợi nhuận thuần

Lợi nhuận thuần sau thuế được chia cho các cổ đông sau khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội Cổ đông Thường niên, và sau khi trích các quỹ theo Điều lệ của Công ty và các quy định pháp lý của Việt Nam.

Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ được dành riêng nhằm bảo vệ các hoạt động kinh doanh của Công ty trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh hoặc dự phòng cho các khoản lỗ hoặc thiệt hại và các trường hợp bất khả kháng ngoài dự kiến, ví dụ như hỏa hoạn, bất ổn kinh tế và tài chính của quốc gia hoặc của bất kỳ nơi nào khác, v.v..

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.19 Phân phối lợi nhuận thuần (tiếp theo)

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty theo đề xuất của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm khen thưởng và khuyến khích, đãi ngộ vật chất, đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên.

3.20 Cổ phiếu ngân quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu ngân quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.21 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy và được xác nhận bởi khách hàng, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận vào ngày kết thúc năm tài chính. Các khoản tăng (giảm) khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được hạch toán vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương ứng với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong năm khi các chi phí này đã phát sinh.

Doanh thu căn hộ

Đối với các căn hộ mà Công ty bán sau khi đã xây dựng hoàn tất, doanh thu và giá vốn được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến căn hộ đã được chuyển giao sang người mua. Đối với các căn hộ được bán trước khi xây dựng hoàn tất mà theo đó Công ty có nghĩa vụ xây dựng và hoàn tất dự án căn hộ và người mua thanh toán tiền theo tiến độ xây dựng và chấp nhận các lợi ích và rủi ro từ những biến động trên thị trường, doanh thu và giá vốn được ghi nhận khi các nghĩa vụ có liên quan của Công ty đã hoàn tất vào ngày kết thúc năm tài chính. Giá vốn của các căn hộ bán trước khi xây dựng hoàn tất được xác định dựa trên chi phí thực tế phát sinh cho đất đai và chi phí xây dựng ước tính để hoàn tất dự án căn hộ.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.21 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc kinh doanh phòng khách sạn và khu nghỉ dưỡng và từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện và sau khi đã trừ các khoản chiết khấu, giảm giá và các khoản thuế không được khấu trừ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức

Thu nhập được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.22 Thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và thuế phải nộp cho năm tài chính hiện hành và các năm trước được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.22 Thuế (tiếp theo)

Thuế hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi các đơn vị nộp thuế có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp của cùng một đơn vị nộp thuế và được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và đơn vị nộp thuế dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

4. TIỀN

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Số dư cuối năm</i>	<i>Số dư đầu năm</i>
Tiền gửi ngân hàng	2.633.291.450	1.296.844.456
Tiền mặt tại quỹ	859.917	720.866
Tiền đang chuyển	3.109	1.020
Tổng cộng	<u>2.634.154.476</u>	<u>1.297.566.342</u>

Bao gồm trong tiền gửi ngân hàng là các khoản tiền gửi ngắn hạn trị giá 1.987.000.000 ngàn VNĐ với lãi suất từ 11% đến 14%/năm.

Tiền gửi ngân hàng cũng bao gồm một khoản tiền ký quỹ là 582.568.781 ngàn VNĐ và khoản tiền ký quỹ này sẽ được sẵn sàng để sử dụng sau khi hoàn tất việc niêm yết các Chứng chỉ Lưu ký Toàn cầu của Công ty trên Thị trường Chứng khoán Chuyên nghiệp thuộc Sở Giao dịch Chứng khoán Luân Đôn (*Thuyết minh số 25.1*).

Cho mục đích lập báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản mục sau đây:

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Số dư cuối năm</i>	<i>Số dư đầu năm</i>
Tiền	2.634.154.476	1.297.566.342
Trừ tiền thu từ phát hành cổ phiếu được lưu ký trong tài khoản ký quỹ	<u>(582.568.781)</u>	<u>-</u>
Tổng cộng	<u>2.051.585.695</u>	<u>1.297.566.342</u>

5. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 thể hiện giá trị tài sản ròng của chi nhánh Khu nghỉ dưỡng Đà Lạt đã được chấp thuận để thanh lý cho một bên thứ ba, thủ tục pháp lý của việc chuyển nhượng chưa hoàn thành vào ngày lập các báo cáo này.

Trong năm, Công ty đã hoàn tất việc bán chi nhánh Khu nghỉ dưỡng Quy Nhơn cho bên thứ ba với giá bán là 175.000.000 ngàn VNĐ và ghi nhận khoản lãi ròng là 99.212.030 ngàn VNĐ (*Thuyết minh số 26.2*).

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Ngàn VNĐ	
	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
Các khoản phải thu thương mại và dịch vụ	240.672.081	112.789.952
Phải thu theo hợp đồng xây dựng	-	106.251.070
Phải thu tiền bán căn hộ	111.985.972	76.158.186
Tổng cộng	352.658.053	295.199.208

Trong các khoản phải thu thương mại và dịch vụ có khoản phải thu liên quan đến việc bán một lô đất trong dự án Bình Hiên với số dư là 81.000.000 ngàn VNĐ.

Phải thu khách hàng bao gồm các khoản phải thu các bên liên quan là 126.145.395 ngàn VNĐ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (*Thuyết minh số 31*).

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Ngàn VNĐ	
	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	46.644.861	64.097.831

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
Phải thu các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 31</i>)	4.136.019.802	1.871.011.308
Cho vay ngắn hạn các công ty	41.668.305	19.464.339
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	34.485.835	22.616.566
Cho vay ngắn hạn công nhân viên	22.243.829	8.951.046
Phải thu từ thanh lý khoản đầu tư	-	128.000.000
Phải thu từ ủy thác đầu tư	-	16.768.800
Các khoản khác	16.489.208	4.858.345
Tổng cộng	4.250.906.979	2.071.670.404

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO

	Ngàn VNĐ	
	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
Chi phí của các căn hộ đang xây để bán	207.221.576	170.995.913
Thành phẩm	1.139.533	68.031.153
Hàng hóa	2.388.516	20.164.555
Sản phẩm dở dang	40.048.638	39.924.477
Trong đó:		
<i>Hợp đồng xây dựng</i>	22.943.153	35.700.227
<i>Sản xuất</i>	17.105.485	4.224.250
Nguyên vật liệu	8.431.446	13.102.260
Công cụ, dụng cụ	5.816.892	945.078
Vật liệu xây dựng	2.009.682	-
Tổng cộng	267.056.283	313.163.436

Tất cả các căn hộ đang xây để bán bao gồm cả quyền sử dụng đất đã được thế chấp để đảm bảo các khoản vay của Công ty (*Thuyết minh số 18 và 24*).

10. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
Các khoản tạm ứng cho nhân viên	7.690.377	7.539.357
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	50.120	50.120
Tổng cộng	7.740.497	7.589.477

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc thiết bị	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Vườn cây lâu năm	Tài sản khác	Ngân VNĐ
Nguyên giá							
Số dư đầu năm	72.078.325	300.732.745	39.143.368	2.150.922	6.635.322	4.080.137	424.820.819
Tăng trong năm	23.473.108	9.844.527	15.362.447	1.157.642	63.023	51.867	49.952.614
Giảm trong năm	(56.197.195)	(8.626.249)	(2.702.186)	(307.426)	-	(723.018)	(68.556.074)
Số dư cuối năm	39.354.238	301.951.023	51.803.629	3.001.138	6.698.345	3.408.986	406.217.359
Khấu hao lũy kế							
Số dư đầu năm	(26.125.045)	(19.413.450)	(5.362.236)	(690.993)	(773.523)	(983.009)	(53.348.256)
Tăng trong năm	(6.048.698)	(7.713.512)	(5.119.365)	(663.097)	(168.433)	(320.277)	(20.033.382)
Giảm trong năm	22.430.310	2.073.092	1.039.245	252.972	-	292.576	26.088.195
Số dư cuối năm	(9.743.433)	(25.053.870)	(9.442.356)	(1.101.118)	(941.956)	(1.010.710)	(47.293.443)
Giá trị còn lại							
Số dư đầu năm	45.953.280	281.319.295	33.781.132	1.459.929	5.861.799	3.097.128	371.472.563
Số dư cuối năm	29.610.805	276.897.153	42.361.273	1.900.020	5.756.389	2.398.276	358.923.916
Trong đó:							
Thế chấp/cầm cố để đảm bảo các khoản vay (Thuyết minh số 18 và 24)	29.610.805	276.897.153	-	-	-	-	306.507.958



THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Ngàn VNĐ		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	65.755.756	1.970.767	67.726.523
Tăng trong năm	7.040.000	1.480.607	8.520.607
Giảm trong năm	(778.751)	(35.401)	(814.152)
Số dư cuối năm	<u>72.017.005</u>	<u>3.415.973</u>	<u>75.432.978</u>
Khấu hao lũy kế			
Số dư đầu năm	-	(467.192)	(467.192)
Tăng trong năm	-	(514.510)	(514.510)
Giảm trong năm	-	12.623	12.623
Số dư cuối năm	<u>-</u>	<u>(969.079)</u>	<u>(969.079)</u>
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	<u>65.755.756</u>	<u>1.503.575</u>	<u>67.259.331</u>
Số dư cuối năm	<u>72.017.005</u>	<u>2.446.894</u>	<u>74.463.899</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Thế chấp/cầm cố để đảm bảo các khoản vay (Thuyết minh số 24)</i>	72.017.005	-	72.017.005

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Ngàn VNĐ	
	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	159.442.269	45.743.267
Chi phí trồng cây cao su	24.085.690	24.057.900
Các công trình xây dựng khác	537.710	6.695.455
Tổng cộng	<u>184.065.669</u>	<u>76.496.622</u>

14. CHI PHÍ LÃI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong năm, Công ty đã vốn hóa các chi phí lãi vay là 64.631.632 ngàn VNĐ (năm 2009: 7.103.062 ngàn VNĐ). Đây là những chi phí lãi vay phát sinh từ các khoản vay ngân hàng và phát hành trái phiếu để sử dụng cho việc xây dựng và phát triển các tài sản cố định, các dự án căn hộ và mua đất để phát triển dự án sau này.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

15.1 Các khoản đầu tư trực tiếp vào các công ty con

Trong năm, Công ty đã chuyển đổi Chi nhánh Xây dựng An Phú thành Công ty Cổ phần Xây lắp An Phú với vốn điều lệ ban đầu là 30 tỷ VNĐ, trong đó Công ty sở hữu 24,5% và Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh ("Hoàng Anh Nhà") sở hữu 75%. Sau đó, Công ty đã chuyển 24% số cổ phần của Công ty cho Hoàng Anh Nhà. Việc bán này đã làm giảm tỉ lệ sở hữu của Công ty tại Công ty Cổ phần Xây lắp An Phú xuống còn 0,5% tại ngày 31 tháng 12 năm 2010. Sau đó, Công ty Cổ phần Xây lắp An Phú tăng vốn điều lệ lên 150 tỷ VNĐ làm giảm tỷ lệ của Công ty xuống còn 0,1% và tăng tỷ lệ sở hữu của Hoàng Anh Nhà lên 99,8%.

Trong năm, Công ty thực hiện đầu tư thành lập các công ty con mới sau đây:

- Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai được thành lập với vốn điều lệ là 200 tỷ VNĐ, Công ty sở hữu 99%. Ngành nghề kinh doanh của công ty con này là trồng và quản lý nông trường cao su cho Tập đoàn Hoàng Anh Gia Lai.
- Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Hoàng Anh Rattanakiri được thành lập ở Campuchia với vốn điều lệ là 16.000.000 đô la Mỹ, Công ty sở hữu 100%. Ngành nghề kinh doanh của công ty con này là trồng cây cao su ở Campuchia.
- Công ty trách nhiệm hữu hạn Hoàng Anh Gia Lai Vientiane được thành lập với vốn điều lệ là 20.000.000 USD, Công ty sở hữu 100%. Ngành nghề hoạt động của công ty con này là mua bán và phát triển bất động sản bao gồm xây dựng các trụ sở chính, tòa nhà văn phòng, trung tâm thương mại, khách sạn và căn hộ cho thuê.

Công ty cũng đã chuyển nhượng toàn bộ cổ phần trong các công ty con với giá vốn được trả bằng tiền để phục vụ cho mục đích tái cơ cấu Tập đoàn như sau:

- Công ty chuyển nhượng toàn bộ quyền sở hữu của Công ty trong Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Nguyên, Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông, Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển Nhà Hoàng Phúc, Công ty Cổ phần Xây lắp An Phú và Công ty Cổ phần Dịch vụ Hoàng Anh Viễn Đông cho Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh, Tổng công ty con trong Tập đoàn.
- Công ty chuyển nhượng toàn bộ quyền sở hữu của Công ty trong Công ty Cổ phần Khoáng sản Gia Lai và Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoàng Anh Quảng Ngãi cho Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai, Tổng công ty con trong Tập đoàn.
- Công ty chuyển nhượng toàn bộ quyền sở hữu của Công ty trong Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Thanh Hóa, Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Tôna, Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Đắk Bla và Công ty Cổ phần Hoàng Anh Ban Mê cho Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai, Tổng công ty con trong Tập đoàn.
- Công ty chuyển nhượng toàn bộ quyền sở hữu của Công ty trong Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai, Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Quang Minh và Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk cho Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai, Tổng công ty con trong Tập đoàn.

Việc chuyển nhượng nói trên được hạch toán theo phương pháp cộng giá trị ghi sổ, theo đó tài sản và nợ phải trả được chuyển giao theo giá trị ghi sổ và không có lãi lỗ phát sinh.

Công ty cũng góp vốn thêm 1.090.000.000 ngàn VNĐ vốn vào Hoàng Anh Nhà để mua thêm 109.0000.000 cổ phần bằng việc bù trừ với một khoản công nợ phải trả của Hoàng Anh Nhà theo Biên bản thỏa thuận góp vốn số 17-06/BBGV ngày 17 tháng 6 năm 2010 giữa Công ty và Hoàng Anh Nhà. Sau đó, Công ty đã bán 11,75% số cổ phiếu của Công ty trong Hoàng Anh Nhà với tổng giá bán là 1.167 tỷ VNĐ và ghi nhận khoản lãi ròng là 890 tỷ VNĐ (Thuyết minh số 26.2). Việc bán này đã làm giảm tỉ lệ sở hữu của Công ty trong Hoàng Anh Nhà xuống còn 88,21% tại ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

15.1 Các khoản đầu tư trực tiếp vào các công ty con (tiếp theo)

Chi tiết các khoản đầu tư trực tiếp của Công ty vào các công ty con như sau:

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Số dư cuối năm			Số dư đầu năm		
			Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VNĐ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngân VNĐ
Các Tổng Công ty con quản lý ngành								
Công ty Cổ phần Xây Dựng và Phát Triển Nhà Hoàng Anh	Bất động sản	Đang hoạt động	176.411.900	88,21	1.775.279.247	90.911.900	99,90	921.759.747
Công ty Cổ phần cao su Hoàng Anh Gia Lai	Trồng cây cao su	Trước hoạt động	48.457.192	99,00	484.571.924	-	-	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoàng Anh Gia Lai	Khai khoáng	Trước hoạt động	83.700.000	83,70	837.000.000	21.994.312	86,00	219.943.124
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Năng lượng	Đang hoạt động	67.796.879	98,80	722.968.795	16.630.700	94,38	211.307.000
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Sản xuất	Đang hoạt động	8.700.000	88,18	100.986.248	9.179.262	87,00	91.792.623
Các Công ty con chưa tái cấu trúc								
Công ty TNHH Hoàng Anh Rattanakiri	Trồng cây cao su	Trước hoạt động	4.704.357	100,00	47.043.575	-	-	-
Công ty TNHH V&H Corporation (Lào)	Trồng cây cao su	Trước hoạt động	1.290.000	80,00	26.930.800	1.290.000	80,00	26.740.500
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	CLB Bóng đá	Đang hoạt động	5.342.496	51,00	53.424.959	5.342.496	51,00	53.424.959
Công ty Cổ phần Bệnh viện HAGL (i)	Bệnh viện	Trước hoạt động	3.114.021	46,20	31.140.217	2.766.677	46,20	27.666.766
Công ty Cổ phần HAGL Miền Trung	Xây dựng và kinh doanh	Đang hoạt động	1.580.000	51,85	15.800.000	1.580.000	51,85	15.800.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Xây dựng	Đang hoạt động	468.000	55,12	4.680.000	60.000	72,20	600.000



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

15.1 Các khoản đầu tư trực tiếp vào các công ty con (tiếp theo)

Tên công ty con	Lĩnh vực kinh doanh	Tình trạng hoạt động	Số dư cuối năm			Số dư đầu năm		
			Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VNĐ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá gốc Ngàn VNĐ
<i>Các Công ty con đã chuyển về Tổng Công ty con</i>								
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây Dựng và Phát Triển Nhà Hoàng Nguyên	Bất động sản	Đang hoạt động	-	-	-	8.900.000	89,00	277.000.000
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông	Bất động sản	Đang hoạt động	-	-	-	5.100.000	51,00	78.000.000
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Bất động sản	Đang hoạt động	-	-	-	5.455.950	55,00	54.559.500
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển nhà Hoàng Phúc	Bất động sản	Trước hoạt động	-	-	-	4.000.000	20,00	40.000.000
Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai	Trồng cây cao su	Trước hoạt động	-	-	-	6.331.722	98,95	82.392.086
Công ty Cổ phần Cao Su Hoàng Anh – Quang Minh	Trồng cây cao su	Đang hoạt động	-	-	-	5.750.000	57,50	87.453.075
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Đắk Bla	Năng lượng	Trước hoạt động	-	-	-	7.000.000	65,63	850.000
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Ban Mê	Năng lượng	Đang hoạt động	-	-	-	1.901.300	51,00	19.013.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Thanh Hóa	Năng lượng	Trước hoạt động	-	-	-	9.829.550	76,00	98.295.500
Công ty Cổ phần Khoáng sản Quảng Ngãi	Khai khoáng	Trước hoạt động	-	-	-	284.300	85,00	2.843.000
Công ty Cổ phần Khoáng sản Gia Lai	Khai khoáng	Trước hoạt động	-	-	-	7.315.887	62,79	158.158.867
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hoàng Anh Viễn Đông	Dịch vụ	Đang hoạt động	-	-	-	550.000	55,00	5.500.000
Tổng cộng						4.099.825.765		2.473.099.747

(i) Công ty có trên 50% quyền biểu quyết và kiểm soát tại các công ty con này.

Trước hoạt động thể hiện tình hình các công ty con đang trong giai đoạn đầu tư và chưa đi vào hoạt động kinh doanh tại ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY CON VÀ CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT (tiếp theo)

15.2 Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Số dư cuối năm		Số dư đầu năm		Giá gốc Ngàn VNĐ
		Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	
Công ty cổ phần Bình Định Constrexim	Xây dựng nhà máy thủy điện	1.100.000	39,59	1.000.000	39,20	12.000.000
Công ty cổ phần Hoàng Anh Gia Định	Bất động sản	750.000	25,00	750.000	25,00	7.500.000
Công ty Đầu tư và Tư vấn xây dựng Á Đông	Tư vấn	500.000	25,00	500.000	25,00	5.000.000
Công ty cổ phần Cao su Hoàng Anh - Mang Yang	Trồng cây cao su	-	-	1.815.608	40,00	44.000.000
Tổng cộng				25.500.000		68.500.000

Công ty đã bán toàn bộ số cổ phần nắm giữ của Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh - Mang Yang cho Tổng Công ty Cao su Việt Nam với tổng giá bán là 36.000.000 ngàn VNĐ và ghi nhận khoản lỗ là 1.806.402 ngàn VNĐ (Thuyết minh số 26.2).

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
Chi phí đất đai để phát triển các dự án:		
Dự án Bình Hiên (i)	-	337.269.997
Dự án Hải Châu (ii)	81.183.513	74.924.366
Dự án Thanh Khê (i)	-	48.276.000
Đầu tư vào các hợp đồng hợp tác kinh doanh ("BCC")		
Dự án Tân Phong (iii)	-	189.857.250
Dự án Hiệp Bình Phước (iii)	-	200.000.000
Cho vay Chính phủ Lào (iv)	280.819.684	266.120.201
Đầu tư vào cổ phiếu thường	17.360.041	7.360.041
Các khoản đầu tư khác	150.000	40.000
Tổng cộng	379.513.238	1.123.847.855

- (i) Công ty đã bán 15.000 mét vuông đất của dự án Bình Hiên với giá vốn là 144.577.716 Ngàn VNĐ cho các bên thứ ba (*Thuyết minh số 27*). Công ty cũng đã chuyển giao theo giá vốn phần còn lại của dự án Bình Hiên và toàn bộ dự án Thanh Khê cho Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh, công ty con, để quản lý và phát triển dự án căn hộ để bán.
- (ii) Dự án Hải Châu đã được thế chấp để vay ngân hàng (*Thuyết minh số 24*).
- (iii) Trong năm 2010, Công ty đã nhận lại phần vốn góp trị giá 200.000.000 ngàn VNĐ từ dự án hợp tác đầu tư Hiệp Bình Phước và chuyển giao hợp đồng BCC của dự án Tân Phong sang Công ty Cổ phần Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh, công ty con, để quản lý và phát triển dự án căn hộ.
- (iv) Khoản cho vay Chính phủ Lào thể hiện khoản cho vay không tính lãi theo Biên bản ghi nhớ được ký kết với Chính phủ Lào vào ngày 4 tháng 4 năm 2008. Khoản cho vay này sẽ được hoàn trả bằng gỗ hoặc quota gỗ trong vòng 3 năm đáo hạn vào năm 2011.

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Số dư đầu năm	35.327.543	57.915.210
Tăng trong năm	23.089.969	18.281.092
	58.417.512	76.196.302
Chi phí phân bổ trong năm	(25.621.353)	(32.173.993)
Điều chỉnh sang tài khoản khác	(5.350.821)	(8.694.766)
Số dư cuối năm	27.445.338	35.327.543

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
Trái phiếu chuyển đổi	1.100.000.000	1.450.000.000
Vay ngắn hạn ngân hàng	733.035.138	509.601.082
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 24)	426.161.828	695.653.073
Tổng cộng	2.259.196.966	2.655.254.155

18.1 Trái phiếu chuyển đổi

- (i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 19 tháng 3 năm 2010, các cổ đông chấp thuận thông qua việc chuyển đổi trước hạn trái phiếu HAG-CB09 với tổng giá trị là 1.450.000.000 ngàn VNĐ thành cổ phần của Công ty. Sau đó, tất cả các trái chủ đã đăng ký chuyển đổi toàn bộ các trái phiếu HAG-CB09 đang sở hữu thành cổ phiếu phổ thông của Công ty cho đến ngày 14 tháng 5 năm 2010. Kết quả chuyển đổi trái phiếu là 22.055.239 cổ phiếu mới được phát hành cho các trái chủ để tăng vốn cổ phần thêm 220.552.390 ngàn VNĐ và thặng dư vốn cổ phần sau khi trừ chi phí phát hành trái phiếu chuyển đổi chưa phân bổ là 1.214.447.610 ngàn VNĐ (Thuyết minh số 25.1).

Ngày 17 tháng 5 năm 2010, Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 15 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai về việc tăng vốn điều lệ lên 2.925.206.970 ngàn VNĐ.

- (ii) Vào ngày 19 tháng 8 năm 2010, Hội đồng Quản trị thông qua phương án và kế hoạch chi tiết thực hiện việc phát hành trái phiếu chuyển đổi trị giá 1.100 tỷ VNĐ cho Northbrooks Investment (Maritius) Pte Ltd, một công ty thành viên của Tập đoàn Temasek Holdings Pte Ltd của Singapore phù hợp với các nội dung của phương án phát hành đã được các cổ đông thông qua theo Nghị quyết cổ đông ngày 18 tháng 8 năm 2010. Vào ngày 31 tháng 8 năm 2010, Công ty đã phát hành trái phiếu chuyển đổi trị giá 1.100 tỷ VNĐ với mệnh giá là 1 tỷ VNĐ/đơn vị. Trái phiếu có kỳ hạn là 1 năm và sẽ được chuyển đổi sang cổ phiếu theo quyết định của trái chủ với mức giá chuyển đổi là 67.375 VNĐ/cổ phiếu và sẽ được điều chỉnh bởi ảnh hưởng của các sự kiện pha loãng. Sẽ không có bất kỳ khoản lãi phát sinh nào sẽ được thanh toán đối với các trái phiếu đã được chuyển đổi. Các trái phiếu không được chuyển đổi thì sẽ được hưởng lãi kể từ ngày mua trái phiếu với mức lãi suất bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm thời hạn 1 năm của cá nhân được niêm yết bởi 4 ngân hàng trong nước (Ngân hàng ACB, Sacombank, Techcombank và Eximbank) cộng (+) 3%/năm được xác định tại ngày phát hành trái phiếu (tiền lãi trái phiếu sẽ được trả khi đáo hạn).

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (tiếp theo)

18.2 Vay ngân hàng

Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng bao gồm:

Tên ngân hàng	Số dư cuối năm (Ngàn VNĐ)	Thời hạn thanh toán và đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 9 và 11)
<i>Vietcombank, chi nhánh Gia Lai</i>				
Hợp đồng vay số 98/09/NHNT, 05/06/2009	258.035.138	12 tháng kể từ ngày giải ngân	Thả nổi	Tài sản, máy móc thiết bị
<i>Sacombank, chi nhánh Đà Nẵng</i>				
Hợp đồng vay số ID 1002900, 09/01/2010	275.000.000	12 tháng kể từ ngày giải ngân	Thả nổi	Tín chấp
<i>BIDV, chi nhánh Gia Lai</i>				
Hợp đồng vay số 01/2008/HĐ, 19/09/2008	100.000.000	Thanh toán trong vòng 6 tháng kể từ ngày giải ngân	Biến động từ 10,50% đến 19,50%/năm	Tín chấp
<i>BIDV, chi nhánh Bình Định</i>				
Hợp đồng vay số 58082000291324, 14/12/2010	100.000.000	35 ngày kể từ ngày giải ngân	1,00%/tháng	Giá trị quyền sử dụng đất và các tài sản liên quan đến đất
TỔNG CỘNG	<u>733.035.138</u>			

Các khoản vay ngắn hạn được sử dụng để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động của Công ty.

19. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Ngàn VNĐ	
	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
Phải trả mua hàng hóa và dịch vụ	99.758.210	49.573.898
Phải trả nhà thầu	10.898.902	-
Tổng cộng	<u>110.657.112</u>	<u>49.573.898</u>

Phải trả người bán bao gồm các khoản phải thu các bên liên quan là 10.976.253 ngàn VNĐ tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 (Thuyết minh số 31).

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngàn VNĐ	
	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp (<i>Thuyết minh số 30.1</i>)	179.489.201	28.281.211
Thuế giá trị gia tăng	934.767	1.013.313
Thuế thu nhập cá nhân	737.024	649.958
Các khoản phải nộp khác	148.445	1.195.379
Tổng cộng	181.309.437	31.139.861

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngàn VNĐ	
	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
Chi phí lãi vay	79.381.458	18.774.527
Chi phí thầu phụ xây dựng	-	58.301.663
Các khoản khác	4.217.203	3.443.027
Tổng cộng	83.598.661	80.519.217

22. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
Phải trả các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 31</i>)	142.832.243	226.906.829
Phải trả các công ty khác	9.500.000	25.385.901
Phải trả về mua cổ phần	-	11.450.000
Các khoản khác	13.538.297	18.569.478
Tổng cộng	165.870.540	282.312.208

23. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
Nhận ký quỹ thuê văn phòng	984.754	1.188.881

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	Ngàn VNĐ	
	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
Trái phiếu thường	880.000.000	1.000.000.000
Vay dài hạn ngân hàng	429.231.564	407.490.551
Tổng cộng	1.309.231.564	1.407.490.551
<i>Trong đó:</i>		
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 18)</i>	426.161.828	695.653.073
<i>Nợ dài hạn</i>	883.069.736	711.837.478

24.1. Trái phiếu thường

Trái phiếu thường bao gồm các khoản trái phiếu trị giá 350 tỷ VNĐ và 530 tỷ VNĐ được phát hành bởi Công ty như sau:

Trong năm 2008, Công ty đã phát hành trái phiếu thường với tổng trị giá 1.000 tỷ VNĐ. Nội dung phát hành như sau:

- ▶ Vào ngày 30 tháng 9 năm 2008, Công ty đã phát hành các đợt trái phiếu thường trị giá 550 tỷ VNĐ và 100 tỷ VNĐ theo mệnh giá 1 tỷ VNĐ/trái phiếu và sẽ hoàn trả theo mệnh giá lần lượt vào ngày 30 tháng 9 năm 2010 và ngày 30 tháng 9 năm 2011. Trái phiếu trị giá 550 tỷ VNĐ chịu lãi suất 20,50%/năm trong kỳ thanh toán lãi đầu tiên trả vào ngày 30 tháng 3 năm 2009 và chịu lãi suất bằng 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố trừ đi 0,5% cho các kỳ thanh toán sau đó. Trái phiếu trị giá 100 tỷ VNĐ chịu lãi suất 21,00%/năm trong kỳ thanh toán lãi đầu tiên trả vào ngày 30 tháng 3 năm 2009 và chịu lãi suất bằng 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố cho các kỳ thanh toán sau đó. Tiền lãi được thanh toán 2 kỳ mỗi năm vào các ngày 31 tháng 3 và 30 tháng 9. Số tiền thu từ phát hành được sử dụng để tài trợ cho các dự án đang triển khai của Tập đoàn thuộc ngành bất động sản, thủy điện và trồng cao su. Vào ngày 30 tháng 9 năm 2010, Công ty đã hoàn trả 550 tỷ VNĐ giá trị gốc trái phiếu.
- ▶ Trong tháng 12 năm 2008, Công ty đã phát hành một đợt trái phiếu thường khác trị giá là 100 tỷ VNĐ và 250 tỷ VNĐ theo mệnh giá 1 tỷ VNĐ/trái phiếu và sẽ hoàn trả theo mệnh giá lần lượt vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và ngày 31 tháng 12 năm 2011. Trái phiếu trị giá 100 tỷ VNĐ chịu lãi suất 12,25%/năm trong năm thanh toán lãi đầu tiên và chịu lãi suất thả nổi bằng 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố trừ đi 0,5%/năm cho các kỳ thanh toán sau đó. Trái phiếu trị giá 250 tỷ VNĐ chịu lãi suất 12,75%/năm trong kỳ thanh toán lãi đầu tiên và chịu lãi suất thả nổi bằng 150% lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố cho các kỳ thanh toán sau đó. Tiền lãi được thanh toán 2 kỳ mỗi năm vào ngày 30 tháng 6 và 31 tháng 12. Số tiền thu từ phát hành được sử dụng để cung cấp vốn hoạt động và tài trợ cho các dự án đang triển khai của Tập đoàn thuộc ngành bất động sản, thủy điện và trồng cao su. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty đã hoàn trả 100 tỷ VNĐ giá trị gốc trái phiếu.

Tất cả các trái phiếu thường nói trên được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất của dự án Hoàng Anh River View và dự án Kênh Tế của một công ty con của Công ty, và các căn hộ đang xây dựng của dự án Hoàng Anh River View với tổng giá trị thế chấp là khoảng 1.821.783.170 ngàn VNĐ.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (tiếp theo)

24.1. Trái phiếu thường (tiếp theo)

Ngày 8 tháng 10 năm 2010, Công ty đã phát hành một đợt trái phiếu thường trị giá 530 tỷ VNĐ theo mệnh giá 1 tỷ VNĐ/trái phiếu và sẽ hoàn trả theo mệnh giá vào ngày 8 tháng 10 năm 2013. Trái phiếu này chịu lãi suất 15,2%/năm trong kỳ thanh toán lãi đầu tiên và chịu lãi suất thả nổi tương đương lãi suất tiền gửi trung bình kỳ hạn 12 tháng của bốn ngân hàng địa phương cộng 4,2%/năm cho những kỳ sau. Số tiền thu từ phát hành được sử dụng để cung cấp vốn hoạt động và tài trợ cho các dự án bất động sản đang triển khai của các công ty con. Tất cả các trái phiếu thường nói trên được đảm bảo bằng 30 triệu cổ phiếu HAG của Chủ tịch Hội đồng Quản trị với tổng giá trị thể chấp là 2.267 tỷ VNĐ.

24.2. Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

	Ngàn VNĐ	
	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín ("Sacombank")	252.475.282	174.880.238
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam ("Vietcombank")	76.870.767	103.195.706
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV")	70.385.515	93.914.607
Ngân hàng Công thương Việt Nam ("Vietinbank")	29.500.000	35.500.000
Tổng cộng	429.231.564	407.490.551

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (tiếp theo)

24.2. Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

Tên ngân hàng	Số dư cuối năm	Thời hạn thanh toán và đáo hạn	Lãi suất	Đơn vị tiền tệ
Sacombank, Chi nhánh Đà Nẵng				
Hợp đồng vay số 7683, 06/08/2007	37.968.750	Hoàn trả trong vòng 120 tháng, được thanh toán làm 32 lần, lần đầu vào 12/2009 – được trả hàng quý	1,1%/tháng trong 6 tháng đầu, sau đó, lãi suất là lãi suất tiền gửi kì hạn 13 tháng + 0,45%/tháng, được điều chỉnh 2 lần mỗi năm	Đất tại Nguyễn Văn Linh, phường Hải Châu, Đà Nẵng
Hợp đồng tín dụng số LD 0931400065, 10/11/2009	45.000.000	Hoàn trả trong vòng 96 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	0,875%/tháng	Mảnh đất số 2, dự án Phần Lãng, Đà Nẵng
Hợp đồng tín dụng số 10270, 28/05/2009	157.014.987	Hoàn trả trong vòng 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên	0,875% /tháng trong 6 tháng đầu, sau đó, lãi suất là lãi suất tiền gửi kì hạn 13 tháng + 0,36%/tháng, được điều chỉnh 2 lần mỗi năm	Đất tại phường Bình Hiên, Bình Thuận, Hải Châu, Đà Nẵng; đất tại Bàu Thạc Gián, phường Thạc Gián, Đà Nẵng; đất tại phường Hào Hải, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng
Vietcombank, Chi nhánh Gia Lai				
Hợp đồng vay số 140/05/NHNT, 18/05/2005	69.397.812	120 tháng từ ngày giải ngân đầu tiên	Lãi suất từng lần rút vốn vay	Giá trị quyền sử dụng đất và tài sản liên quan đến đất của dự án Đà Nẵng Plaza
Hợp đồng tín dụng số 125/10/NHNT, 25/06/2010	7.472.955	60 tháng kể từ lần giải ngân đầu tiên	14,5%/năm và thay đổi theo lãi suất của VCB	Máy móc thiết bị

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (tiếp theo)

24.2. Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số dư cuối năm	Thời hạn thanh toán và đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 9, 11 và 12)
<i>BIDV, Chi nhánh Quy Nhơn</i>				
Hợp đồng tín dụng số 01/2004/HĐ, 25/08/2004	18.114.573	Hoàn trả trong vòng 108 tháng tính từ ngày giải ngân đầu tiên, bao gồm thời gian ân hạn 24 tháng và thời gian trả nợ 84 tháng	1,09%/tháng	Toàn bộ tài sản của khách sạn HAGL
Hợp đồng tín dụng số 01/2008/HĐ, 5/9/2008	24.420.501	Hoàn trả trong vòng 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên bao gồm thời gian ân hạn 18 tháng và thời gian trả nợ 42 tháng	1,06%/tháng	Tòa nhà hội sở chính HAGL tại Gia Lai
Hợp đồng tín dụng số 15/HĐTD, 05/02/2005	29.500.000	96 tháng, thanh toán làm 32 lần, hàng quý, lần thanh toán đầu tiên vào 25/03/2007	Lãi suất tiền gửi kỳ hạn 12 tháng + 3%/ năm và điều chỉnh 2 lần mỗi năm (vào ngày 1/2 và 1/8 hàng năm)	Toàn bộ tài sản của Khu nghỉ dưỡng Hoàng Anh Đà Lạt được tài trợ bởi khoản vay này

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (tiếp theo)

24.2. Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số dư cuối năm (Ngàn VNĐ)	Thời hạn thanh toán và đáo hạn	Lãi suất	Tài sản thế chấp (Thuyết minh số 9, 11 và 12)
<i>Sacombank, Chi nhánh Gia Lai</i>				
Hợp đồng tín dụng số 6100002968, 08/06/2009; 6100002992, 11/06/2009; 6100003016, 17/06/2009; 6100003040, 25/06/2009; 6100003115, 30/06/2009	12.491.545	Hoàn trả trong vòng 36 tháng, lần thanh toán đầu tiên vào 27/09/2009	0,865%/tháng	Toàn bộ xe trong hợp đồng số 108/2009/CN-GL, 104/2009/CN-GL, 100/2009/CN-GL, 98/2009/CN-GL, 95/2009/CN-GL
<i>BIDV, Chi nhánh Bình Định</i>				
Hợp đồng tín dụng số 01/2005/HĐ, 14/07/2005	27.850.441	Hoàn trả trong vòng 60 tháng kể từ ngày giải ngân	Theo từng lần giải ngân, dựa trên lãi suất hiệu lực vào ngày giải ngân	Giá trị quyền sử dụng đất và toàn bộ tài sản liên quan đến đất của dự án căn hộ Đầm sinh thái Quy Nhơn
TỔNG CỘNG	429.231.564			

Các khoản vay này được sử dụng chủ yếu để xây dựng và phát triển các khách sạn, khu nghỉ dưỡng, căn hộ và mua sắm máy móc và thiết bị.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09-DN

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU

25.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đổi	Quỹ đầu tư và phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	Ngàn VNĐ							
Số dư đầu năm	2.704.654.580	1.223.971.061	(30.091.699)	915.313	8.622.737	82.528.069	655.996.705	4.646.596.766
Phát hành cổ phiếu mới	190.000.000	1.109.600.000	-	-	-	-	-	1.299.600.000
Phát hành cổ phiếu để chuyển đổi trái phiếu	220.552.390	1.214.447.610	-	-	-	-	-	1.435.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	-	2.100.896.771	2.100.896.771
Trích lập quỹ dự phòng tài chính và quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	128.337.321	(251.659.394)	(123.322.073)
Bán cổ phiếu quỹ	-	10.062.394	30.091.699	-	-	-	-	40.154.093
Hoàn nhập khoản thặng dư vốn cổ phần đã ghi nhận trước đây liên quan đến lợi nhuận phát sinh trước khi mua công ty con	-	(54.068.925)	-	-	-	-	-	(54.068.925)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	(915.313)	-	-	-	(915.313)
Trả cổ tức bằng tiền	-	-	-	-	-	-	(292.008.407)	(292.008.407)
Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	-	-	-	(9.940.743)	(9.940.743)
Số dư cuối năm	3.115.206.970	3.504.012.140	-	-	8.622.737	210.865.390	2.203.284.932	9.041.992.169

Ngày 17 tháng 12 năm 2010 và 20 tháng 12 năm 2010, Công ty đã phát hành 16.216.250 và 2.783.750 cổ phiếu mới cho Deutsche Bank Trust Company Americas (DBTCA) và Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI) với tổng số tiền thu được lần lượt là 1.167.570.000 ngàn VNĐ và 200.430.000 ngàn VNĐ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị liên quan đến việc phát hành niêm yết các Chứng chỉ Lưu ký Toàn cầu (GDR) của Công ty trên Thị trường Chứng khoán Chuyên nghiệp thuộc Sở Giao dịch Chứng khoán Luân Đôn. Trong số tiền góp vốn thu được của DBTCA có một khoản tiền là 582.568.781 ngàn VNĐ được lưu giữ trong tài khoản ký quỹ tại chính và sau đó đã được giải chấp khi hoàn tất quá trình niêm yết GDR vào ngày 21 tháng 3 năm 2011.

Ngày 28 tháng 12 năm 2010, Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 17 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai về việc tăng vốn điều lệ lên 3.115.206.970 ngàn VNĐ.



THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

25.2 Cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	311.520.697	270.465.458
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	311.520.697	270.465.458
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	311.520.697	270.465.458
Cổ phiếu quỹ	-	512.290
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	512.290
Cổ phiếu đang lưu hành	311.520.697	269.953.168
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	311.520.697	269.953.168

25.3 Cổ phiếu quỹ

Trong tháng 10 năm 2010, Công ty đã bán toàn bộ 512.290 cổ phiếu quỹ với tổng số tiền thu được là 40.154.093 ngàn VNĐ và ghi nhận thu nhập 10.062.394 ngàn VNĐ vào thặng dư vốn cổ phần.

26. DOANH THU

26.1 Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ

	Ngàn VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu gộp	1.190.816.347	1.034.837.644
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa	588.993.844	507.500.817
Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng	430.052.309	407.275.311
Doanh thu cung cấp dịch vụ	90.401.689	84.446.064
Doanh thu căn hộ	81.368.505	35.615.452
Các khoản giảm trừ	(335.845)	(2.716.509)
Trong đó:		
Hàng bán trả lại	-	(2.507.996)
Thuế tiêu thụ đặc biệt	(335.845)	(208.513)
Doanh thu thuần	1.190.480.502	1.032.121.135
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng hóa	588.993.844	504.992.821
Doanh thu từ các hợp đồng xây dựng	430.052.309	407.275.311
Doanh thu cung cấp dịch vụ	90.065.844	84.237.551
Doanh thu căn hộ	81.368.505	35.615.452

Trong doanh thu bán hàng hóa có khoản doanh thu bán hàng hoá bất động sản trị giá 396.000.000 ngàn VNĐ từ việc bán 15.000 mét vuông đất của dự án Bình Hiên cho các bên thứ ba (Thuyết minh số 16).

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. DOANH THU (tiếp theo)

26.2 Thu nhập hoạt động tài chính

	Ngàn VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức nhận được	989.438.182	1.304.074.252
Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư	987.925.128	112.000.000
Lãi cho vay các công ty con trong Tập đoàn	172.647.756	99.258.350
Lãi tiền gửi	126.789.460	37.881.706
Hoàn nhập khoản thặng dư vốn cổ phần đã ghi nhận trước đây liên quan đến lợi nhuận phát sinh trước khi mua công ty con (<i>Thuyết minh 25.1</i>)	54.068.925	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	912.364	4.880.408
Thu nhập ủy thác đầu tư	-	16.768.800
Các khoản khác	14.699.484	-
Tổng cộng	<u>2.346.481.299</u>	<u>1.574.863.516</u>

Thu nhập từ thanh lý các khoản đầu tư bao gồm các khoản lãi từ việc bán một số khoản đầu tư trong năm như sau:

	Ngàn VNĐ
	Năm nay
Bán cổ phần Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển nhà Hoàng Anh, công ty con (<i>Thuyết minh số 15.1</i>)	890.419.500
Bán Khu nghỉ dưỡng Quy Nhơn (<i>Thuyết minh số 5</i>)	99.212.030
Bán toàn bộ cổ phần trong Công ty Cổ phần Cao Su Hoàng Anh - Mang Yang, công ty liên kết (<i>Thuyết minh số 15.2</i>)	(1.806.402)
Khác	100.000
Tổng cộng	<u>987.925.128</u>

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Ngàn VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hàng hóa	308.450.153	385.698.559
Giá vốn của các hợp đồng xây dựng	252.156.262	343.099.271
Giá vốn dịch vụ cung cấp	65.185.321	91.388.980
Giá vốn căn hộ	55.312.052	30.643.788
Tổng cộng	<u>681.103.788</u>	<u>850.830.598</u>

Trong giá vốn hàng bán có khoản giá vốn 15.000 mét vuông đất trị giá 144.577.716 ngàn VNĐ của dự án Bình Hiên đã được bán cho các bên thứ ba (*Thuyết minh số 16*).

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

28. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Ngàn VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	247.121.252	249.468.576
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	585.156	4.795.598
Các khoản khác	17.294.469	41.365
Tổng cộng	265.000.877	254.305.539

29. CÁC KHOẢN THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Ngàn VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	4.233.093	26.185.602
Tiền phạt nhận được và thu nhập khác	2.182.078	1.386.976
Tiền thu thanh lý tài sản cố định	1.767.230	15.822.344
Tiền thu bán phế liệu	283.785	8.976.282
Chi phí khác	(9.309.702)	(47.197.896)
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	(4.189.784)	-
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	(1.586.335)	(27.602.111)
Giá vốn phế liệu	(202.798)	(3.797.644)
Thiếu hụt hàng hóa	-	(3.300.000)
Tiền phạt phải trả và chi phí khác	(3.330.785)	(12.498.141)
Lỗ thuần	(5.076.609)	(21.012.294)

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Chi phí thuế TNDN trong năm bao gồm:

	Ngàn VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Thuế TNDN hiện hành	354.950.570	44.828.573
Thuế TNDN hoãn lại	17.626.583	(9.725.947)
Tổng cộng	372.577.153	35.102.626

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.1 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

Chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm được tính như sau:

	Ngàn VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận trước thuế	2.473.473.924	1.357.854.005
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán		
<i>Điều chỉnh tăng</i>		
Chi phí trích trước	40.410.661	80.519.217
Giá vốn căn hộ ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành trong năm nhưng chưa chịu thuế	36.205.506	-
Các chi phí không có chứng từ hợp lệ	19.642.879	3.611.543
<i>Điều chỉnh giảm</i>		
Thu nhập cổ tức	(989.438.182)	(1.225.348.804)
Hoàn nhập khoản thặng dư vốn cổ phần đã ghi nhận trước đây liên quan đến lợi nhuận phát sinh trước khi mua công ty con	(54.068.926)	-
Doanh thu căn hộ ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành trong năm nhưng chưa chịu thuế năm nay	(57.005.948)	-
Chi phí trích trước năm trước đã trả năm nay	(80.271.927)	(37.156.633)
Các khoản khác	1.915.126	(944.533)
Lợi nhuận chịu thuế ước tính	1.390.863.113	178.534.795
Chi phí thuế TNDN	347.715.778	44.633.699
Trích thiếu chi phí thuế TNDN trong năm trước	7.234.792	194.874
Chi phí thuế TNDN ước tính trong năm	354.950.570	44.828.573
Thuế TNDN phải trả đầu năm	28.281.211	34.200.169
Thuế TNDN đã trả trong năm	(203.742.580)	(50.747.531)
Thuế TNDN phải trả cuối năm <i>(Thuyết minh số 20)</i>	179.489.201	28.281.211

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

30.2 Thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN hoãn lại của Công ty và những biến động trong năm thể hiện như sau:

	<i>Bảng cân đối kế toán tổng hợp</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp</i>	
	<i>Số dư cuối năm</i>	<i>Số dư đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
	<i>Ngàn VNĐ</i>			
Tài sản thuế TNDN hoãn lại				
Chi phí trích trước	7.703.332	20.129.804	(12.426.472)	9.725.947
Thuế TNDN hoãn lại phải trả				
Lợi nhuận từ doanh thu căn hộ ghi nhận theo tỷ lệ hoàn thành chưa phải nộp thuế	(5.200.111)	-	(5.200.111)	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại thuần trong kết quả hoạt động kinh doanh			(17.626.583)	9.725.947

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các giao dịch trọng yếu với các bên liên quan trong năm như sau:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngàn VNĐ</i>
			<i>Số tiền</i>
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai Miền Trung	Công ty con	Cung cấp dịch vụ xây dựng	2.133.000
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Trúc Thịnh	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ xây dựng	6.838.337
Công ty Cổ phần Khoáng Sản Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Doanh thu bán hàng Lãi vay từ các khoản cho vay lại công ty con	11.024.508 10.650.728
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Quang Minh	Công ty con	Mua nguyên vật liệu Doanh thu bán hàng Lãi vay từ các khoản cho vay lại công ty con	6.670.813 9.671.557 1.392.153
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Lãi vay từ các khoản cho vay lại công ty con Doanh thu bán hàng	3.336.342 2.851.234
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Cổ tức nhận từ công ty con Lãi vay từ các khoản cho vay lại công ty con Chuyển nhượng vốn cổ phần	986.555.182 110.246.336 582.344.285

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các bên liên quan	Quan hệ	Giao dịch	Ngàn VNĐ	
			Số tiền	
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển nhà Hoàng Phúc	Công ty con	Lãi vay từ các khoản cho vay lại công ty con	9.831.239	
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Doanh thu bán hàng	35.790.218	
		Thanh lý tài sản cố định	1.027.696	
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Doanh thu bán hàng	87.676.331	
Công ty Cổ phần Khoáng sản Gia Lai	Công ty con	Doanh thu bán hàng	15.147.895	
Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai	Công ty con	Doanh thu bán hàng	19.507.157	
		Lãi vay từ các khoản cho vay lại công ty con	1.697.598	
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Doanh thu bán hàng	1.082.340	
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Doanh thu bán hàng	11.466.592	
		Lãi vay từ các khoản cho vay lại công ty con	1.828.460	
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Ban Mê	Công ty con	Lãi vay từ các khoản cho vay lại công ty con	1.187.898	
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh – Thanh Hóa	Công ty con	Lãi vay từ các khoản cho vay lại công ty con	20.117.333	
Công ty TNHH Một thành viên Nguyên Vật Liệu Gỗ	Công ty con	Doanh thu bán hàng	37.183.249	
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Tôna	Công ty con	Bán tài sản cố định	48.473.556	
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Bán tài sản cố định	2.065.088	
Công ty TNHH MTV Chế biến khoáng sản KBang	Công ty con	Doanh thu bán hàng	3.178.279	
Công ty TNHH Rattanakiri	Công ty con	Doanh thu bán hàng	2.140.150	

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 như sau:

<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Ngàn VNĐ</i> <i>Phải thu</i> <i>(Phải trả)</i>
Phải thu khách hàng			
Công ty TNHH An Tiến	Công ty con	Hợp đồng xây dựng	345.068
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Trúc Thịnh	Công ty liên quan	Hợp đồng xây dựng	51.223.251
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	55.144
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	3.852.203
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	46.810.601
Công ty Cổ phần Cao Su Hoàng Anh Quang Minh	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	4.253.473
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông	Công ty con	Doanh thu bán hàng	2.972.755
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	33.004
Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	9.999.764
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	1.895.856
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai Miền Trung	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	104.013
Công ty TNHH Rattanakiri	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	2.198.150
Công ty TNHH MTV Chế biến khoáng sản KBang	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	1.303.262
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	998.251
Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Bất động sản Hoàng Anh	Công ty con	Bán hàng hóa và dịch vụ	100.600
Tổng cộng			126.145.395

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

			Ngàn VNĐ
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số tiền</i>
<i>Người mua trả tiền trước</i>			
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Tôna	Công ty con	Mua hàng hóa	2.886.566
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Mua hàng hóa	600.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh – Thanh Hóa	Công ty con	Phí tư vấn	4.593.000
Tổng cộng			<u>8.079.566</u>
<i>Phải thu khác</i>			
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Anh	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn và tiền lãi và cổ tức	3.380.212.459
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Thanh Hóa	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn và tiền lãi	177.684.885
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phát triển nhà Hoàng Phúc	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn và tiền lãi	151.025.215
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Trả hộ tiền hàng	98.391.241
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con	Trả hộ tiền hàng	476.521
Công ty cổ phần xây lắp An Phú	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn, tiền lãi và tạm ứng vốn	103.507.565
Công ty Cổ phần Khoáng Sản Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn	39.190.698
Công ty Cổ phần Trồng rừng Công nghiệp Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn	36.623.117
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Ban Mê	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn và tiền lãi	11.703.981
Công ty Cổ phần Cao su Hoàng Anh Quang Minh	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn và tiền lãi	1.574.502
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Chi hộ chi phí	9.958.648
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn và tiền lãi	26.378.300
Công ty Cổ phần Xây dựng Cầu đường Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Phải thu bán hàng hóa và dịch vụ	20.172.259

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Ngàn VNĐ			
<i>Các bên liên quan</i>	<i>Quan hệ</i>	<i>Giao dịch</i>	<i>Số tiền</i>
Công ty Cổ phần Khoáng sản Gia Lai	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn và tiền lãi	32.129.243
Công ty TNHH MTV Chế biến khoáng sản KBang	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn và tiền lãi	5.151.133
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai Miền Trung	Công ty con	Chi hệ chi phí	8.246.675
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Đắk Lắk	Công ty con	Phải thu cho vay ngắn hạn và tiền lãi	33.593.360
Tổng cộng			4.136.019.802
<i>Phải trả nhà cung cấp</i>			
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	9.237.950
Công ty Cổ Phần Cao su Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Mua hàng hóa	1.258.978
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	Bên liên quan	Mua hàng hóa	377.925
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Thanh Hóa	Bên liên quan	Mua hàng hóa	101.400
Tổng cộng			10.976.253
<i>Các khoản phải trả khác</i>			
Công ty Cổ phần Đầu tư, Xây dựng và Phát triển Nhà Hoàng Nguyên	Công ty con	Vay mượn tạm	134.693.573
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty con	Tạm ứng tiền	3.812.605
Công ty Cổ phần Dịch vụ Quản lý Bất động sản Hoàng Anh	Công ty con	Cho mượn tạm	322.388
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Thanh Hóa	Công ty con	Cho mượn tạm	4.003.677
Tổng cộng			142.832.243
Thù lao cho các thành viên Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát và Ban thư ký:			
		Ngàn VNĐ	
		<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Mức đã trích trong năm		9.940.743	4.895.264

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. PHÂN LOẠI LẠI

Trong kỳ, Công ty đã phân loại lại và trình bày Quý khen thưởng, phúc lợi như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán theo quy định tại Thông tư số 244/2009/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2009. Theo đó, một vài số liệu so sánh được phân loại lại để phù hợp với số liệu trình bày trong kỳ hiện tại.

	Ngàn VNĐ		
	<i>Đã trình bày năm trước</i>	<i>Phân loại lại</i>	<i>Trình bày lại</i>
Nợ phải trả	3.818.082.416	17.320.427	3.835.402.843
<i>Phải trả ngắn hạn</i>	<i>3.104.548.430</i>	<i>17.320.427</i>	<i>3.121.868.857</i>
Quý khen thưởng, phúc lợi	-	17.320.427	17.320.427
Nguồn vốn chủ sở hữu	4.663.917.193	(17.320.427)	4.646.596.766
<i>Các quỹ khác</i>	<i>17.320.427</i>	<i>(17.320.427)</i>	<i>-</i>
Quý khen thưởng, phúc lợi	17.320.427	(17.320.427)	-

33. CÁC CAM KẾT

Cam kết góp vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Công ty có những cam kết góp vốn như sau:

	Ngàn VNĐ		
	<i>Số vốn cam kết</i>	<i>Đã góp</i>	<i>Còn phải góp</i>
Công ty Cổ phần Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	1.482.000.000	722.968.795	759.031.205
Công ty Cổ phần cao su Hoàng Anh Gia Lai	990.000.000	484.571.924	505.428.076
Công ty TNHH V&H Corporation (Lào)	349.600.000	26.930.800	322.669.200
Công ty TNHH Rattanakiri	300.000.000	47.043.575	252.956.425
Công ty Cổ phần Bệnh viện Hoàng Anh Gia Lai	60.000.000	31.140.217	28.859.783
Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	59.000.000	53.424.959	5.575.041
Tổng cộng	3.240.600.000	1.366.080.270	1.874.519.730

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

33. CÁC CAM KẾT (tiếp theo)

Cam kết thuê hoạt động

Công ty thuê nhiều lô đất tại Việt Nam để xây dựng nhà xưởng, các tiện nghi của khách sạn và trồng cây công nghiệp lâu năm. Công ty ước tính số tiền thuê tối thiểu phải trả trong tương lai cho các lô đất thuê này tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 theo các hợp đồng thuê hoạt động như sau:

	<i>Ngàn VNĐ</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Dưới 1 năm	318.370	310.350
Từ 1 đến 5 năm	1.273.479	1.241.399
Trên 5 năm	46.302.536	45.527.219
Tổng cộng	47.894.385	47.078.968

34. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

- a) Ngày 26 tháng 1 năm 2011, Công ty đã phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 2:1 (cổ đông sở hữu 2 cổ phiếu cũ được nhận 1 cổ phiếu thưởng). Nguồn vốn để phát hành cổ phiếu thưởng là 60% lấy từ lợi nhuận chưa phân phối và 40% lấy từ thặng dư vốn cổ phần của Công ty. Việc phát hành này được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 1808/10/NQCD-HAGL ngày 18 tháng 8 năm 2010 (lấy ý kiến bằng văn bản từ các cổ đông). Trên cơ sở đó, Công ty đã hạch toán tăng vốn cổ phần 1.557.598.930 ngàn VNĐ, giảm thặng dư vốn cổ phần 623.039.572 ngàn VNĐ và giảm lợi nhuận chưa phân phối 934.559.358 ngàn VNĐ. Ngày 28 tháng 1 năm 2011, Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh lần thứ 18 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai về việc tăng vốn điều lệ lên 4.672.805.900 ngàn VNĐ.
- b) Hội đồng quản trị của Công ty đã quyết định thay đổi chính sách kế toán về ghi nhận doanh thu hoạt động bán căn hộ trước khi xây dựng hoàn tất kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2011 để phù hợp với những nguyên tắc của các Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế. Theo chính sách kế toán mới, doanh thu hoạt động bán căn hộ được hạch toán khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau đây:
- ▶ doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
 - ▶ doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
 - ▶ doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
 - ▶ doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
 - ▶ xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2010 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Việc thay đổi này được xem là thay đổi chính sách kế toán theo Công văn trả lời của Bộ Tài chính ngày 18 tháng 2 năm 2011 và sẽ được áp dụng hồi tố theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 29 "Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót".



Bà Hồ Thị Kim Chi
Kế toán Trưởng


Ông Nguyễn Văn Sự
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2011